**A. CẤU TRÚC THÌ HIỆN TẠI ĐƠN**

**1. Đối với động từ to be**

* Khẳng định**:**S + **am/is/are** + adj/N
* Phủ định: S + **isn’t/aren’t/am not** + adj/N
* Nghi vấn: **Is/are/am** + S + adj/N?/ Wh-question + do/does + S + V + O?

Example:

1. I am an English teacher. (Tôi l à một giáo viên tiếng Anh)
2. He is not my boyfriend. (Anh ấy không phải bạn trai của tớ)
3. Are you a student? (Cậu có phải là sinh viên không?)

**2. Đối với động từ thường**

* Khẳng định:S + **Vs/es** + O
* Phủ định: S + **don’t/ doesn’t** + V + O
* Nghi vấn: **Do/ does** + S + V + O?/ Wh-question + do/ does + S + V + O?

Example:

* I often go to work by bus. (Tôi thường đi làm bằng xe buýt)
* She doesn't like milk tea. (Cô ấy không thích trà sữa)
* Do you want to open the window? (Cậu có muốn mở cửa sổ không?)

**B. CÁCH SỬ DỤNG CẤU TRÚC THÌ HIỆN TẠI ĐƠN**

**1. Diễn tả một thói quen, hành động thường xuyên xảy ra ở hiện tại, có tính chất lặp đi lặp lại**

We go to school every day. (Chúng tôi đi học mỗi ngày)

I usually go to bed at 10 p.m. (Tôi thường đi ngủ lúc 10 giờ tối)

I often get up at 6 a.m. (Tôi thường thức dậy vào 6 giờ sáng)

**2. Diễn tả một chân lý, sự thật hiển nhiên, các phong tục, tập quán, hiện tượng tự nhiên**

The Earth moves around the Sun. (Trái đất quay quanh Mặt Trời)

The Sun rises in the East and sets in the West. (Mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn ở hướng Tây)

**3.Nói về một lịch trình, chương trình có sẵn, thời gian biểu cố định, cụ thể như lịch trình của tàu, xe, máy bay**

The plane takes off at 7 p.m this evening. (Chiếc máy bay hạ cánh vào 7 giờ tối nay)

The train leaves at 8 a.m tomorrow. (Tàu xuất phát vào 8 giờ sáng ngày mai)

**4. Sử dụng trong câu điều kiện loại 1**

If he passes this exam, his parents will buy him a new phone. (Nếu anh ấy đỗ kỳ thi này thì bố mẹ anh ấy sẽ mua cho anh ấy một chiếc điện thoại mới)

**C. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT CẤU TRÚC THÌ HIỆN TẠI ĐƠN**:

- Every day, every week, every month, every year, … (mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi năm)

- Always, usually, often, frequently, sometimes, seldom, rarely, hardly, never, generally, regularly,... (luôn luôn, thỉnh thoảng, thường, hiếm khi, ít khi, không bao giờ, thường xuyên,...)

- Once, twice, three times, four times, … a day/ week/ month/ year (Một lần, hai lần, ba lần, bốn lần, …  một ngày/ tuần/ tháng/ năm)

## **A Công thức cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn**

### *1.1. Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn cơ bản nhất*

Nghi vấn (?): **Am/is/are + S + V\_ing?**

Khẳng định (+): **S + am/is/are + V\_ing**

Phủ định (-): **S + am/is/are + not + V\_ing**

Example:

- I **am listening** to a podcast on Spotify.  (Tôi đang nghe 1 podcast trên Spotify.)

- He **is not (isn’t) working** right now, you can call him out. (Anh ấy đang không làm việc đâu, bạn có thể gọi anh ấy ra ngoài.)

- **Are** you **cooking** spaghetti for dinner? C(Bạn đang nấu món mì Ý cho bữa tối đấy à?)

### *1.2. Cách nhận biết cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn*

* **Dựa vào các trạng từ chỉ thời gian như:**  
   - now - bây giờ - right now - ngay bây giờ  
   - at the moment - ngay lúc này - at present - hiện tại  
   It’s + thời gian cụ thể + now

Example:   
 It’s 10 o’clock now. (Bây giờ là 12 giờ.)  
 It’s midnight now. (Bây giờ là nửa đêm rồi.)

* **Một số động từ tri giác như:**  
   - Look!/Watch! - Nhìn kìa - Listen! - Nghe đi!  
   - Keep silent! - Im lặng! - Watch out! = Look out! (Coi chừng!)

B.**Khi nào dùng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn?**

## # Nói về hành động tại thời điểm nói : - Để miêu tả, tường thuật hành động đang diễn ra ở thời điểm nói, bạn có thể dùng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn.

E*x: I****am reading****a magazine now. - Tôi đang đọc 1 cuốn tạp chí vào lúc này.*

**# Nói về 1 hành động sắp xảy ra trong tương lai gần.  
-** Để nói về 1 kế hoạch, dự định sắp xảy ra với độ chắc chắn cao, bạn có thể dùng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn.

*Ex: I****am having****a customer meeting tomorrow. - Tôi sẽ có 1 buổi họp với khách hàng vào ngày mai.*

**# Nói về 1 hành động diễn ra thường xuyên, lặp đi lặp lại  
-** Để nói về 1 hành động thường xuyên diễn ra, trở thành điều thường thấy, bạn có thể dùng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn. Thường sẽ có trạng từ always trong các câu này.

Ex: *It****'s always raining****here, in London. Thời tiết ở London thì mưa suốt ngày.*

*Tom and Jerry****are always arguing****. Tom và Jerry lúc nào cũng cãi cọ nhau*  
  
- Bạn có thể dùng cấu trúc này để than phiền về 1 ai đó với 1 thói quen xấu.

Ex: Why **are** you **always making** mistakes? Tại sao bạn cứ liên tục mắc lỗi thế?

**# Nói về hành động đang xảy ra trong 1 khoảng thời gian gần thời điểm nói  
-** Để miêu tả hành động đang xảy ra trong khoảng gần thời điểm nói, bạn có thể dùng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn. Các hành động này thường mang tính tạm thời.

*Ex: I****am working****on a new campaign these days. Dạo gần đây tôi đang thực hiện 1 chiến dịch mới.*

*Cấu trúc as...as; as soon as; as long as;*

*Therefore, Consequently, As a result: sử dụng với dấu phẩy, -> nêu ra nguyên nhân:: do đó*

*Beause of, Due to, As a result of: đi với danh từ -> chỉ ra nguyên nhân:: bởi vì*

*Due to the fact that: đi với một mệnh đề.-> nêu ra nguyên nhân :: Do thực tế*

*++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++++*

*However: sử dụng ở đầu câu của mệnh đề thứ 2*

*Despite, In spite of: sử dụng với danh từ or danh động từ*

*Although, Even thought: sử dụng sau một mệnh đề*

Although/ though/ even though + S + V….., S + V…

In spite of/ Despite + Noun/ Noun phrase/ Gerund phrase

 Despite và in spite of đứng trước V-ing